SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NGÔ QUYỀN

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA KÌ I NĂM HỌC 2026–2027
Môn: Lịch Sử
Khối: 11

BÀI 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÁCH MẠNG TƯ SẢN
I. PHẦN TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN

Câu 1. Nội dung nào sau đây là tiền đề về kinh tế dẫn đến sự bùng nổ và thắng lợi của các cuộc cách mạng tư sản từ giữa thế kỉ XVI đến đầu thế kỉ XX?
A. Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa thay thế hoàn toàn quan hệ phong kiến.
B. Triết học Ánh sáng ra đời, thức tỉnh, dọn đường cho quần chúng đấu tranh.
C. Giai cấp tư sản và đồng minh có thế lực rất lớn cả về kinh tế và chính trị.
D. Kinh tế tư bản chủ nghĩa ra đời và phát triển trong lòng chế độ phong kiến.

Câu 2. Nội dung nào sau đây là tiền đề về chính trị dẫn đến sự bùng nổ và thắng lợi của các cuộc cách mạng tư sản từ giữa thế kỉ XVI đến đầu thế kỉ XX?
A. Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa thay thế hoàn toàn quan hệ phong kiến.
B. Giai cấp tư sản và đồng minh có thế lực rất lớn cả về kinh tế và chính trị.
C. Triết học Ánh sáng ra đời, thức tỉnh, dọn đường cho quần chúng đấu tranh.
D. Chế độ cai trị của nhà nước phong kiến, gây ra sự bất mãn trong xã hội.

Câu 3. Nội dung nào sau đây là tiền đề về xã hội dẫn đến sự bùng nổ và thắng lợi của các cuộc cách mạng tư sản từ giữa thế kỉ XVI đến đầu thế kỉ XX?
A. Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa thay thế hoàn toàn quan hệ phong kiến.
B. Giai cấp tư sản và đồng minh có thế lực rất lớn cả về kinh tế và chính trị.
C. Triết học Ánh sáng ra đời, thức tỉnh, dọn đường cho quần chúng đấu tranh.
D. Mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản với quý tộc phong kiến ngày càng sâu sắc.

Câu 4. Lực lượng nào sau đây là giai cấp lãnh đạo cuộc Cách mạng tư sản Anh thế kỉ XVII?
A. Chủ nô và Nô lệ. **B.** Tư sản và Nông dân.
C. Tăng lữ và Quý tộc cũ. **D.** Tư sản và Quý tộc mới.

Câu 5. Sự kiện nào sau đây mở đầu cho cuộc Cách mạng tư sản Pháp năm 1789?
A. Xử tử vua Lu-i XVI.
B. Thông qua Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền.
C. Tấn công pháo đài - nhà ngục Ba-xti (14/7/1789).
D. Thành lập nền Cộng hòa thứ nhất.

Câu 6. Một trong những nhiệm vụ của các cuộc cách mạng tư sản từ giữa thế kỉ XVI đến đầu thế kỉ XX) là
A. đưa giai cấp công nhân lên nắm quyền. **B.** xóa bỏ triệt để mâu thuẫn trong xã hội.
C. xác lập sự thống trị của chủ nghĩa thực dân. **D.** xóa bỏ tình trạng phong kiến cát cứ.

Câu 7. Một trong những mục tiêu của các cuộc cách mạng tư sản từ giữa thế kỉ XVI đến đầu thế kỉ XX) là
A. đưa giai cấp công nhân lên nắm chính quyền.
B. xóa bỏ những rào cản của chế độ phong kiến.
C. xóa bỏ triệt để những mâu thuẫn trong xã hội.
D. xác lập sự thống trị của chủ nghĩa thực dân.

Câu 8. Lực lượng nào sau đây **không** phải là lãnh đạo của các cuộc cách mạng tư sản từ giữa thế kỉ XVI đến đầu thế kỉ XX?
A. Giai cấp tư sản. **B.** Quý tộc mới.

C. Quý tộc tư sản hóa. **D.** Giai cấp công nhân.

Câu 9. Các cuộc cách mạng tư sản từ giữa thế kỉ XVI đến đầu thế kỉ XX thắng lợi có ý nghĩa quan trọng nào sau đây?

A. Lật đổ nền quân chủ chuyên chế tồn tại lâu đời.

B. Giải quyết triệt để mọi yêu cầu của nông dân.

C. Xóa bỏ được tình trạng áp bức trong xã hội.

D. Đưa giai cấp công nhân lên nắm chính quyền.

Câu 10. Nội dung nào sau đây **không** phải là mục tiêu của các cuộc cách mạng tư sản thế kỉ XVI - XVIII?

A. Lật đổ chế độ phong kiến, thực dân cùng tàn tích của nó.

B. Tạo điều kiện cho sự phát triển của kinh tế tư bản chủ nghĩa.

C. Thiết lập nền thống trị của giai cấp tư sản và liên minh của họ

D. Mở ra thời đại thời đại thắng lợi của chế độ xã hội chủ nghĩa

Câu 11. Một trong những điểm chung của các cuộc cách mạng tư sản thời cận đại là

A. mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển. **B.** do tư sản và chủ nô lãnh đạo.

C. xóa bỏ chế độ phong kiến và nô lệ. **D.** Diễn ra dưới hình thức nội chiến.

Câu 12. Các cuộc cách mạng tư sản thời cận đại đều

A. dẫn đến xác lập quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa.

B. tạo ra một nền dân chủ, tự do thực sự, rộng rãi

C. lật đổ chế độ phong kiến, thiết lập nền cộng hòa.

D. lật đổ chế độ thực dân, thiết lập nền cộng hòa.

Câu 13. Nội dung nào phản ánh **không** đúng về nhiệm vụ dân chủ trong các cuộc cách mạng tư sản thời cận đại?

A. Xóa bỏ chế độ phong kiến chuyên chế. **B.** Xác lập nền dân chủ tư sản.

C. Đem lại quyền tự do chính trị cho người dân. **D.** Thống nhất thị trường dân tộc.

Câu 14. Lãnh đạo các cuộc cách mạng tư sản từ thế kỉ XVII đến thế kỉ XVIII **không** bao gồm lực lượng nào sau đây?

A. tư sản. **B.** quý tộc mới. **C.** chủ nô. **D.** công nhân.

Câu 15. Từ thế kỉ XVII, nền nông nghiệp Anh có đặc điểm nổi bật nào sau đây?

A. Lạc hậu, manh mún, công cụ lao động thô sơ.

B. Bị cạnh tranh gay gắt bởi nông nghiệp Pháp.

C. Phương thức kinh doanh mới thâm nhập mạnh.

D. Phát triển mạnh mẽ trong ngành đồn điền cao su.

BÀI 2: SỰ XÁC LẬP VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN

Câu 1. Chủ nghĩa tư bản được xác lập đầu tiên trên thế giới ở

A. Châu Âu. **B.** Châu Âu và Bắc Mỹ.

C. Bắc Mĩ và Mỹ La-tinh. **D.** Châu Á và Châu Phi.

Câu 2. Từ đầu thế kỉ XIX, để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về nguyên liệu và nhân công, các nước tư bản phương Tây đã tăng cường

A. hợp tác và mở rộng đầu tư. **B.** thu hút vốn đầu tư bên ngoài.

C. xâm lược và mở rộng thuộc địa. **D.** đổi mới hình thức kinh doanh.

Câu 3. Đến cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, chủ nghĩa tư bản đã chuyển sang giai đoạn nào?

A. Chủ nghĩa tư bản hiện đại.

B. Chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh.
C. Chủ nghĩa tư bản độc quyền (chủ nghĩa đế quốc).
D. Chủ nghĩa tư bản thương mại.
Câu 4. Nước Anh được mệnh danh là "đế quốc mà Mặt Trời không bao giờ lặn" vì lí do nào sau đây?
A. Nước Anh luôn phải đối mặt với nạn ngoại xâm.
B. Nước Anh có hệ thống thuộc địa rộng khắp thế giới.
C. Nguồn vốn đầu tư của nước Anh trải khắp toàn cầu.
D. Các nước đế quốc tranh nhau đầu tư vào nước Anh.
Câu 5. Chủ nghĩa tư bản hiện đại là thuật ngữ dùng để chỉ giai đoạn phát triển của chủ nghĩa tư bản từ
A. cuối thế kỉ XIX đến trước năm 1914.
B. sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay.
C. sau Cách mạng tháng Mười Nga 1917.
D. từ năm 1973 đến nay.
Câu 6. Một trong những tiềm năng lớn của chủ nghĩa tư bản hiện đại là
A. triệt tiêu khoảng cách giàu nghèo.
B. không bao giờ gặp khủng hoảng kinh tế.
C. giải quyết triệt để bất bình đẳng xã hội.
D. khả năng tự điều chỉnh, ứng dụng khoa học - công nghệ tiên tiến.
Câu 7. Nội dung nào sau đây là thách thức mà chủ nghĩa tư bản hiện đại phải đối mặt?
A. Khủng hoảng kinh tế, tài chính mang tính toàn cầu.
B. Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học – công nghệ.
C. Sự sáp nhập của các công ty độc quyền lũng đoạn.
D. Sự vươn lên mạnh mẽ của các nước đang phát triển.

BÀI 3: SỰ HÌNH THÀNH LIÊN BANG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA XÔ VIẾT

Câu 1. Chính quyền Xô viết được thành lập ở Nga sau thắng lợi của cuộc cách mạng nào?
A. Cách mạng tư sản 1905 - 1907. **B.** Cách mạng tháng Hai năm 1917.
C. Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917. **D.** Cách mạng tháng Bảy năm 1917.
Câu 2. Ngày 30-12-1922, Đại hội lần thứ nhất các Xô viết toàn Liên bang đã thông qua bản Tuyên ngôn thành lập Liên bang cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô Viết tại
A. Mát-xcơ-va. **B.** Xta-ling-grát. **C.** Pê-tơ-rô-grat. **D.** Điện Xmô-nưi.
Câu 3. Khi mới thành lập, Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết gồm 4 nước Cộng hòa là
A. Nga, U-crai-na, Bê-lô-rút-xi-a và Ngoại Cáp-ca-dơ.
B. Nga, Hung-ga-ri, Bê-lô-rút-xi-a và Ngoại Cáp-ca-dơ.
C. Nga, Hung-ga-ri, Bung-ra-ri và Ngoại Cáp-ca-dơ.
D. Liên Xô, Hung-ga-ri, Bung-ra-ri và Ngoại Cáp-ca-dơ.
Câu 4. Sau Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917, người đứng đầu Chính quyền Xô viết là
A. Goóc-ba-chốp. **B.** Xta-lin. **C.** Lê-nin. **D.** Pu-tin.
Câu 5. Nguyên tắc cốt lõi trong chính sách dân tộc của Lê-nin khi thành lập Liên Xô là
A. phân biệt đối xử giữa các dân tộc.
B. cưỡng chế và bắt buộc sáp nhập.
C. ưu tiên quyền lợi cho nước Nga.
D. tự nguyện, bình đẳng và giúp đỡ lẫn nhau.
Câu 6. Tháng 1-1924, Liên Xô đã thông qua
A. bản Hiệp ước Liên bang. **B.** bản Hiến pháp đầu tiên.

C. chính sách "kinh tế mới". **D.** Sắc lệnh "hòa bình".
Câu 7. Sự kiện nào sau đây đánh dấu hoàn thành quá trình thành lập Nhà nước Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới?
A. bản Hiến pháp đầu tiên của Liên Xô được thông qua.
B. bản Hiệp ước Liên bang lần đầu tiên được thông qua.
C. Thắng lợi trong đấu tranh chống thù trong, giặc ngoài.
D. Khi hoàn thành quá trình khôi phục và phát triển kinh tế.
Câu 8. Sự ra đời của Liên Xô có ý nghĩa như thế nào đối với các dân tộc trên đất nước Xô viết?
A. Xóa bỏ hoàn toàn chế độ tư hữu.
B. Tăng cường sức mạnh đoàn kết, giúp đỡ nhau phát triển kinh tế, văn hóa.
C. Đưa Liên Xô thành đế quốc rộng lớn nhất.
D. Tạo ra mâu thuẫn giữa các sắc tộc.
Câu 9. Ý nghĩa quốc tế to lớn từ sự ra đời của Liên bang Xô viết là
A. triệt tiêu các cuộc chiến tranh trên thế giới.
B. làm chấm dứt hoàn toàn chủ nghĩa tư bản.
C. thành lập ngay lập tức Khối NATO.
D. cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa.
Câu 10. Một trong những nhiệm vụ cấp bách của các nước Xô viết giai đoạn 1918 - 1920 là
A. phát động chiến tranh lạnh.
B. tiến hành cải cách mở cửa kinh tế.
C. gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới.
D. tiến hành chiến đấu chống thù trong giặc ngoài bảo vệ chính quyền.
Câu 11. Sự ra đời của Liên Xô đã chứng minh tính đúng đắn của học thuyết nào về vấn đề dân tộc?
A. Triết học Ánh sáng. **B.** Chủ nghĩa Tam dân.
C. Chủ nghĩa Mác - Lê-nin. **D.** Chủ nghĩa thực dụng.
Câu 12. Ngày 30-12-1922, Đại hội lần thứ nhất các Xô viết toàn Liên bang đã thông qua
A. Tuyên ngôn thành lập Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết.
B. Hiến pháp đầu tiến của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết.
C. Cương lĩnh xây dựng đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội.
D. Báo cáo chính trị và báo cáo sửa đổi điều lệ Đảng Cộng sản.
Câu 13. Năm 1924, Hiến pháp đầu tiên của Liên Xô đã
A. hoàn thành quá trình thành lập nhà nước.
B. kết thúc cuộc đấu tranh bảo vệ tổ quốc.
C. thực hiện quyền bình đẳng, tự quyết của các dân tộc.
D. giải quyết vấn đề hòa bình cho nhân dân ruộng đất cho nông dân.
Câu 14. Sự ra đời của Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô Viết đã
A. giải phóng các dân tộc trên toàn thế giới.
B. lãnh đạo phong trào công nhân ở các nươc tư bản.
C. tạo nên sức mạnh tổng hợp để xây dựng CNXH và bảo vệ đất nước.
D. đập tan âm mưu xâm lược của các nước đế quốc

BÀI 4: SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TỪ SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI ĐẾN NAY

Câu 1. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, chủ nghĩa xã hội đã phát triển từ phạm vi một nước trở thành

A. một tổ chức thương mại tự do. **B.** một hệ thống thế giới.
C. một khối liên minh quân sự duy nhất. **D.** một tập đoàn kinh tế toàn cầu.
Câu 2. Nhiệm vụ chủ yếu của các nước Đông Âu từ năm 1950 đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX là
A. xây dựng chủ nghĩa xã hội. **B.** lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế.
C. đánh bại chủ nghĩa phát xít. **D.** lật đổ chế độ thực dân kiểu mới.
Câu 3. Sự ra đời của quốc gia nào sau đây đã mở rộng không gian địa lý của chủ nghĩa xã hội sang khu vực châu Á?
A. Mêhicô. **B.** Trung Quốc. **C.** Ấn Độ. **D.** Brazil.
Câu 4. Sự kiện nào đánh dấu chủ nghĩa xã hội mở rộng sang khu vực Mỹ La-tinh?
A. Sự thành lập nước CHDCND Lào (1975).
B. Thắng lợi của Cách mạng Trung Quốc (1949).
C. Thắng lợi của Cách mạng Việt Nam (1975).
D. Thắng lợi của Cách mạng Cu-ba (1959) và tuyên bố đi lên CNXH (1961).
Câu 5. Từ năm 1949 đến giữa những năm 70 của thế kỉ XX, các nước Đông Âu thực hiện nhiệm vụ nào sau đây?
A. Điện khí hóa toàn quốc. **B.** Thống nhất đất nước.
C. Chống phát xít Đức. **D.** Cải cách ruộng đất.
Câu 6. Tình hình Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu từ cuối những năm 80 của thế kỉ XX có điểm gì nổi bật?
A. Hoàn thành cách mạng dân chủ nhân dân.
B. Tiến hành cách mạng xanh trong nông nghiệp.
C. Đất nước rơi vào khủng hoảng trầm trọng.
D. Xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa.
Câu 7. Một trong những nguyên nhân chủ quan dẫn đến sự sụp đổ của Liên Xô và Đông Âu là
A. không có lực lượng quân đội bảo vệ.
B. sự vươn lên mạnh mẽ của công nghệ AI.
C. thiếu hụt tài nguyên khoáng sản trầm trọng.
D. duy trì quá lâu cơ chế tập trung quan liêu bao cấp và phạm sai lầm khi cải tổ.
Câu 8. Trọng tâm của công cuộc cải cách mở cửa ở Trung Quốc từ năm 1978 đến nay là
A. khôi phục chế độ phong kiến
B. phát triển kinh tế làm trung tâm.
C. cải cách thể chế chính trị đa đảng.
D. tập trung phát triển công nghiệp quốc phòng.
Câu 9. Các quốc gia hiện nay đang tiếp tục kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội gồm
A. Trung Quốc, Việt Nam, Lào, Cu-ba. **B.** Nga, U-crai-na, Bê-lô-rút-xi-a.
C. Anh, Pháp, Đức, Mỹ. **D.** Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ.
Câu 10. Bài học quan trọng nhất cho Việt Nam từ sự sụp đổ của Liên Xô là gì?
A. Khai thác kiệt quệ tài nguyên thiên nhiên.
B. Kiên định mục tiêu CNXH, giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng và cải cách đúng đắn.
C. Đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập.
D. Xóa bỏ hoàn toàn thành phần kinh tế nhà nước.

BÀI 5: QUÁ TRÌNH XÂM LƯỢC VÀ CAI TRỊ CỦA CHỦ NGHĨA THỰC DÂN Ở ĐÔNG NAM Á

Câu 1. Quốc gia thực dân phương Tây nào mở đầu quá trình xâm lược Đông Nam Á bằng việc đánh chiếm thương cảng Ma-lắc-ca (1511)?
A. Bồ Đào Nha. **B.** Bỉ. **C.** Hà Lan. **D.** Anh.
Câu 2. Đến cuối thế kỉ XIX, quốc gia nào ở Đông Nam Á bị thực dân Hà Lan xâm lược và biến thành thuộc địa?
A. In-đô-nê-xi-a. **B.** Phi-líp-pin. **C.** Miến Điện. **D.** Mã Lai.
Câu 3. Quá trình xâm lược của thực dân phương Tây vào khu vực Đông Nam Á diễn ra trong bối cảnh chế độ phong kiến ở Đông Nam Á
A. suy thoái khủng hoảng về chính trị, kinh tế, xã hội.
B. đang trong giai đoạn bắt đầu mới hình thành.
C. trong giai đoạn phát triển mạnh về kinh tế, văn hóa.
D. đạt nhiều thành tựu rực rỡ về khoa học - kĩ thuật.
Câu 4. Đến cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, quốc gia nào ở Đông Nam Á vẫn giữ được độc lập.
A. In-đô-nê-xi-a. **B.** Xiêm (Thái Lan). **C.** Ma-lai-xi-a. **D.** Bru-nây.
Câu 5. Vị vua nào của Vương quốc Xiêm đã tiến hành công cuộc cải cách toàn diện đất nước từ cuối thế kỉ XIX?
A. Ra-ma V (Chulalongkorn). **B.** Ra-ma I. **C.** Ra-ma IX. **D.** Nô-rô-đôm.
Câu 6. Chính sách nổi bật về chính trị mà chính quyền thực dân áp dụng phổ biến ở các thuộc địa Đông Nam Á là
A. xóa bỏ giai cấp phong kiến tay sai.
B. trao quyền tự quyết dân tộc.
C. xây dựng nền dân chủ tư sản hoàn chỉnh.
D. "chia để trị" và áp đặt bộ máy cai trị trực tiếp hoặc gián tiếp.
Câu 7. Mục đích chính của thực dân phương Tây trong chính sách cai trị kinh tế ở Đông Nam Á là
A. vơ vét tài nguyên, cướp đoạt ruộng đất lập đồn điền và biến thành thị trường tiêu thụ.
B. hỗ trợ phát triển công nghiệp nặng địa phương.
C. hiện đại hóa toàn bộ nông nghiệp nông thôn.
D. xây dựng nền kinh tế tự chủ cho thuộc địa.
Câu 8. Về văn hóa - giáo dục, chính quyền thực dân ở Đông Nam Á đã thi hành chính sách tiêu cực nào?
A. Mở rộng trường học ở tất cả các làng xã.
B. Phổ cập giáo dục đại học miễn phí.
C. Bảo tồn triệt để di sản văn hóa bản địa.
D. Chính sách "ngu dân", kìm hãm nhân dân thuộc địa trong tình trạng thất học.
Câu 9. Cuộc cải cách hành chính năm 1892 ở Vương quốc Xiêm đã tổ chức bộ máy nhà nước theo mô hình của
A. các nước phương Tây. **B.** chế độ phong kiến Trung Hoa.
C. nhà nước Xô viết. **D.** các triều đại Ấn Độ.
Câu 10. Trong chính sách đối ngoại, Vương quốc Xiêm đã sử dụng biện pháp khôn khéo nào để bảo vệ độc lập?
A. Ngoại giao mềm dẻo, lợi dụng mâu thuẫn giữa Anh và Pháp.
B. Liên minh quân sự tuyệt đối với Mỹ.
C. Đóng cửa bế quan tỏa cảng.
D. Tuyên chiến cùng lúc với Anh và Pháp.
Câu 11. Phương thức cai trị phổ biến của các nước phương Tây ở Đông Nam Á là gì?
A. Đầu tư vốn. **B.** Quân sự hóa bộ máy nhà nước.

C. Chia để trị và ngu dân. **D.** Bóc lột kinh tế.
Câu 12. Lực lượng xã hội nào ở thuộc địa trở thành tay sai đắc lực cho chính quyền thực dân?
A. Địa chủ phong kiến và tay sai phản động. **B.** Giai cấp công nhân.
C. Tầng lớp trí thức tiến bộ. **D.** Nông dân nghèo.
Câu 13. Vào giữa thế kỉ XIX, Vương quốc Xiêm đứng trước hoàn cảnh nào?
A. Đất nước phát triển mạnh mẽ theo con đường tư bản chủ nghĩa.
B. Sự đe dọa xâm lược của các nước thực dân phương Tây.
C. Chế độ phong kiến bước vào thời kì phát triển thịnh đạt.
D. Tiến hành các cuộc chiến tranh mở rộng lãnh thổ.
Câu 14. Từ đầu thế kỉ XVI các nước phương Tây xâm nhập vào các nước Đông Nam Á thông qua hoạt động
A. buôn bán. **B.** thể thao. **C.** du lịch. **D.** nhân đạo.
Câu 15. Đầu thế kỉ XX, các nước thực dân phương Tây đã
A. kết thúc quá trình bành trướng thuộc địa ở châu Á.
B. thúc đẩy các cuộc chiến tranh xâm lược ở châu Âu.
C. hoàn thành quá trình thôn tính Đông Nam Á.
D. tiến hành các cuộc chiến tranh giành thuộc địa.

BÀI 6: HÀNH TRÌNH ĐI ĐẾN ĐỘC LẬP DÂN TỘC Ở ĐÔNG NAM Á

Câu 1. Cuộc khởi nghĩa chống thực dân Hà Lan của Hoàng tử Đi-pô-nê-gô-rô (1825 - 1830) diễn ra ở quốc gia nào?
A. In-đô-nê-xi-a. **B.** Mã Lai. **C.** Phi-líp-pin. **D.** Miến Điện.
Câu 2. Anh hùng dân tộc Lapu-lapu nổi tiếng với chiến thắng chống thực dân Tây Ban Nha ở đảo Mác-tan thuộc
A. Bru-nây. **B.** In-đô-nê-xi-a. **C.** Phi-líp-pin. **D.** Đông Ti-mo.
Câu 3. Phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á từ cuối thế kỉ XIX đến năm 1920 phát triển theo xu hướng nào?
A. Xu hướng phong kiến và xu hướng tư sản. **B.** Xu hướng vô sản duy nhất.
C. Xu hướng phát xít. **D.** Xu hướng vô chính phủ.
Câu 4. Từ nửa sau thế kỉ XIX, các nước Đông Dương trở thành thuộc địa của nước thực dân nào sau đây?
A. Anh. **B.** Pháp. **C.** Hà Lan. **D.** Tây Ban Nha
Câu 5. Sau chiến tranh thế giới thứ hai, một số nước Đông Nam Á bắt đầu quá trình tái thiết đất nước nhằm mục đích nào sau đây?
A. Khắc phục hậu quả chiến tranh và các tàn dư của thời kì thuộc địa.
B. Liên minh với các nước phương Tây để tranh thụ viện trợ.
C. Nỗ lực trở thành ủy viên thường trực của Hội đồng bảo an.
D. Đưa đất nước phát triển thành các cường quốc quan sự hàng đầu.
Câu 6. Thời kì đầu sau khi độc lập, nhóm các nước sáng lập ASEAN đã thực hiện chính sách phát triển nào sau đây?
A. Công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu. **B.** Công nghiệp hóa hướng tới xuất khẩu.
C. Công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. **D.** Cải cách và mở cửa.

II. PHẦN TRẮC NGHIỆM ĐÚNG / SAI. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

BÀI 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÁCH MẠNG TƯ SẢN

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“*Sự phát triển của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa ở Anh thế kỉ XVII đã làm xuất hiện giai cấp tư sản và tầng lớp quý tộc mới. Họ giàu có về kinh tế nhưng không có quyền lực chính trị tương xứng dưới chế độ quân chủ chuyên chế của vương triều Xtiu-ơ. Mâu thuẫn giữa tư sản, quý tộc mới và quần chúng nhân dân với chế độ phong kiến trở nên vô cùng gay gắt.”*

(Nguồn*: “Sách giáo khoa Lịch sử 11”*, Bộ giáo dục và đào tạo, NXB Giáo dục Việt Nam, tr. 7)

a) Sự phát triển của kinh tế TBCN ở Anh đã tạo ra sự biến đổi sâu sắc về mặt xã hội.
b) Tầng lớp quý tộc mới ở Anh có nguồn gốc từ phong kiến nhưng kinh doanh theo phương thức tư bản chủ nghĩa.
c) Vương triều Xtiu-ơ đã tích cực hỗ trợ giai cấp tư sản nắm toàn bộ quyền lực chính trị.
d) Mâu thuẫn xã hội gay gắt là tiền đề chính trị - xã hội dẫn tới sự bùng nổ của Cách mạng tư sản Anh.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền (Pháp, 1789) khẳng định: 'Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi, và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi. Sự phân biệt xã hội chỉ có thể căn cứ trên lợi ích chung... Mọi công dân đều có quyền tự do, sở hữu, an toàn và chống lại sự áp bức.”

(Nguồn: Trích *“Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền 1789”*, Viện Sử học Việt Nam)

a) Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền khẳng định các quyền tự do cơ bản mang tính tiến bộ của con người.
b) Tuyên ngôn đã bảo vệ tuyệt đối quyền sở hữu tài sản tư hữu của giai cấp tư sản.
c) Văn kiện này hoàn toàn giải quyết được yêu cầu chia ruộng đất miễn phí cho toàn bộ nông dân Pháp.
d) Tuyên ngôn tư tưởng Pháp 1789 có ảnh hưởng sâu rộng tới phong trào cách mạng thế giới.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Các cuộc cách mạng tư sản thời kì cận đại tuy có hình thức và diễn biến khác nhau nhưng đều hướng tới mục tiêu chung: xóa bỏ những rào cản phong kiến hoặc ách thống trị thực dân, mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển và xác lập thể chế dân chủ tư sản.”

(Nguồn: Tạp chí *“Nghiên cứu Lịch sử”*, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, số 4/2022)

a) Mục tiêu cốt lõi của các cuộc cách mạng tư sản là mở đường cho kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển.
b) Tất cả các cuộc cách mạng tư sản đều diễn ra dưới hình thức nội chiến chống phong kiến.
c) Chiến tranh giành độc lập 13 thuộc địa Bắc Mỹ vừa là cách mạng tư sản vừa là chiến tranh giải phóng dân tộc.
d) Thể chế chính trị được xác lập sau cách mạng tư sản luôn là nền cộng hòa dân chủ.

BÀI 3: SỰ HÌNH THÀNH LIÊN BANG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA XÔ VIẾT

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Tháng 12/1922, Đại hội các Xô viết toàn Nga lần thứ nhất đã thông qua Tuyên ngôn và Hiệp ước thành lập Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết (Liên Xô). Tuyên ngôn khẳng định sự tự nguyện gia nhập, sự bình đẳng về quyền lợi giữa các dân tộc và quyền tự do phân lập của các nước cộng hòa.”

(Nguồn: *“Sách giáo khoa Lịch sử 11”*, Bộ giáo dục và đào tạo, NXB Giáo dục Việt Nam, tr. 20)

a) Liên bang Xô viết chính thức được thành lập vào tháng 12 năm 1922.
b) Sự thành lập Liên Xô dựa trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng giữa các dân tộc.
c) Ngay khi thành lập năm 1922, Liên Xô đã bao gồm đầy đủ 15 nước cộng hòa gia nhập.
d) Lê-nin là người trực tiếp chỉ đạo vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác vào giải quyết vấn đề dân tộc ở Nga.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Sự ra đời của Liên Xô có ý nghĩa lịch sử to lớn: đối với trong nước, nó tạo nên sức mạnh tổng hợp để khôi phục kinh tế, phát triển văn hóa và bảo vệ tổ quốc; đối với quốc tế, Liên Xô trở thành chỗ dựa vững chắc cho phong trào cách mạng và giải phóng dân tộc trên thế giới."

(Nguồn: Viện Lịch sử Đảng, *"Lịch sử Phong trào Cộng sản và Công nhân quốc tế"*, NXB Lý luận Chính trị)

a) Liên Xô ra đời đã tăng cường sức mạnh đoàn kết giữa các dân tộc trên đất nước Xô viết.
b) Sự ra đời của Liên Xô đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của hệ thống tư bản chủ nghĩa.
c) Liên Xô trở thành biểu tượng và chỗ dựa tinh thần, vật chất cho các dân tộc bị áp bức.
d) Mô hình nhà nước liên bang Xô viết là sự kết hợp giữa chính quyền Xô viết và thể chế cộng hòa tư sản.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Hiến pháp đầu tiên của Liên Xô (tháng 1/1924) đã thể chế hóa Hiệp ước thành lập Liên bang. Hiến pháp quy định quyền lực tối cao thuộc về Đại hội các Xô viết toàn Liên Xô, khẳng định bản chất nhà nước của dân, do dân và vì dân lao động."

(Nguồn: Trích *"Hiến pháp Liên bang CHTXCN Xô viết 1924"*, NXB Tiến bộ Mát-xcơ-va)

a) Hiến pháp đầu tiên của Liên Xô được thông qua vào năm 1924.
b) Hiến pháp 1924 khẳng định quyền lực nhà nước thuộc về giai cấp tư sản và quý tộc cũ.
c) Đại hội các Xô viết là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất theo Hiến pháp 1924.
d) Hiến pháp 1924 đã hoàn chỉnh cơ sở pháp lý cho sự tồn tại và phát triển của Liên Xô.

BÀI 4: SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TỪ SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI ĐẾN NAY

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, chủ nghĩa xã hội được mở rộng ở Đông Âu, một số nước châu Á và khu vực Mỹ La-tinh, trở thành một hệ thống thế giới. Trong quá trình phát triển, chủ nghĩa xã hội đã vượt qua những khó khăn, thách thức, tiến hành cải cách, đổi mới và tiếp tục khẳng định vị trí quan trọng của mình trong tiến trình lịch sử thế giới."

(Nguồn: *"Sách giáo khoa Lịch sử 11"*, Bộ giáo dục và đào tạo, NXB Giáo dục Việt Nam, tr. 22)

a) Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, chủ nghĩa xã hội đã vượt ra khỏi phạm vi một nước, mở rộng không gian địa lý sang các khu vực như Đông Âu, châu Á và Mỹ La-tinh.
b) Quá trình phát triển của chủ nghĩa xã hội từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai luôn diễn ra thuận lợi, suôn sẻ và không cần phải có sự điều chỉnh hay thay đổi nào.
c) Thắng lợi của Cách mạng Trung Quốc (1949) đã làm nối liền hệ thống chủ nghĩa xã hội từ châu Âu sang châu Đại dương.
d) Sự xuất hiện của các nhà nước xã hội chủ nghĩa ở khu vực Mỹ La-tinh (tiêu biểu là cách mạng Cu-ba thành công) đã chứng minh chủ nghĩa xã hội thực sự trở thành một hệ thống mang tính toàn cầu, phá vỡ thế độc quyền của chủ nghĩa tư bản ở Đông bán cầu.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Sự sụp đổ của chế độ XHCN ở Đông Âu và Liên Xô (1989 - 1991) là tổn thất vô cùng nặng nề đối với phong trào cách mạng thế giới. Nguyên nhân cốt lõi là do duy trì quá lâu cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, phạm sai lầm nghiêm trọng về đường lối cải tổ và sự chống phá của các thế lực thù địch."

(Nguồn: Hội đồng Lý luận Trung ương, *"Bản chất và bài học từ sự sụp đổ mô hình CNXH ở Liên Xô"*, NXB Lý luận Chính trị)

a) Theo đoạn trích, một trong những nguyên nhân cốt lõi dẫn đến sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu là do duy trì quá lâu cơ chế tập trung quan liêu bao cấp.

b) Đoạn trích chỉ ra rằng sự sụp đổ của chế độ XHCN ở Liên Xô và Đông Âu là kết quả tác động tổng hợp của cả những yếu tố chủ quan bên trong (cơ chế quản lý, sai lầm trong cải tổ) và yếu tố khách quan bên ngoài.

c) Từ bài học "duy trì quá lâu cơ chế tập trung quan liêu bao cấp" dẫn đến sụp đổ, có thể thấy quyết định xóa bỏ cơ chế bao cấp, chuyển sang nền kinh tế thị trường trong công cuộc Đổi mới (1986) của Việt Nam là một sự điều chỉnh kịp thời và đúng đắn.

d) Tổn thất vô cùng nặng nề ở Liên Xô và Đông Âu (1989 - 1991) đã chứng minh chủ nghĩa xã hội là một học thuyết sai lầm, dẫn đến sự chấm dứt hoàn toàn của hệ thống xã hội chủ nghĩa trên toàn cầu.

BÀI 5: QUÁ TRÌNH XÂM LƯỢC VÀ CAI TRỊ CỦA CHỦ NGHĨA THỰC DÂN Ở ĐÔNG NAM Á

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Đến đầu thế kỉ XX, các nước thực dân phương Tây đã hoàn thành quá trình thôn tính Đông Nam Á. Hầu hết các nước trong khu vực đều trở thành thuộc địa của thực dân phương Tây. Vương quốc Xiêm (Thái Lan) tuy giữ được nền độc lập nhưng bị lệ thuộc vào nước ngoài về nhiều mặt và trở thành vùng đệm giữa khu vực thuộc địa của thực dân Anh và thực dân Pháp."

(Nguồn: *"Sách giáo khoa Lịch sử 11"*, Bộ giáo dục và đào tạo, NXB Giáo dục Việt Nam, tr. 32)

a) Quá trình các nước thực dân phương Tây thôn tính khu vực Đông Nam Á đã được hoàn thành vào thời điểm cuối thế kỉ XX.

b) Đặc điểm chung về tình trạng chính trị của hầu hết các quốc gia Đông Nam Á vào đầu thế kỉ XX là đánh mất chủ quyền, rơi vào ách thống trị của thực dân phương Tây.

c) Việc Vương quốc Xiêm (Thái Lan) trở thành "vùng đệm" chứng tỏ quốc gia này có sức mạnh quân sự áp đảo, đủ sức đánh bại các cuộc xâm lược của cả thực dân Anh và thực dân Pháp để bảo vệ nền độc lập tuyệt đối.

d) Dù giữ được độc lập, nhưng thực chất nền độc lập của Vương quốc Xiêm lúc bấy giờ là không trọn vẹn, mang tính chất tương đối vì họ phải nhân nhượng và chịu sự chi phối, lệ thuộc vào các thế lực phương Tây.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Chính quyền thực dân ở Đông Nam Á đã thi hành chính sách "chia để trị" về chính trị, cướp đoạt ruộng đất lập đồn điền và vơ vét tài nguyên về kinh tế, thực hiện chính sách "ngu dân" về văn hóa - giáo dục. Những chính sách này đã kìm hãm nghiêm trọng sự phát triển của các dân tộc thuộc địa."

(Nguồn: Viện Đông Nam Á, *"Lịch sử Đông Nam Á thời cận đại"*, NXB Thế giới)

a) Chính sách "chia để trị" nhằm chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc của nhân dân thuộc địa.

b) Chính quyền thực dân tập trung phát triển công nghiệp nặng tự chủ cho các nước Đông Nam Á.

c) Chính sách văn hóa thực dân làm kìm hãm trình độ dân trí, tỉ lệ mù chữ ở thuộc địa rất cao.
d) Kinh tế thuộc địa phát triển cân đối và hiện đại dưới sự cai trị của chính quyền thực dân.
Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Công cuộc cải cách đã góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển, mở cửa cho hàng hoá xuất khẩu,... đưa Vương quốc Xiêm phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa, từng bước hội nhập với thế giới trong những thập niên tiếp theo. Trên cơ sở những thành tựu của công cuộc cải cách, Chính phủ Xiêm có thực lực để thực hiện đường lối ngoại giao mềm dẻo, nhằm giữ vững nền độc lập và chủ quyền đất nước, không bị rơi vào tình trạng thuộc địa."

(Nguồn: *"Sách giáo khoa Lịch sử 11"*, Bộ giáo dục và đào tạo, NXB Giáo dục Việt Nam, tr. 35)

a) Công cuộc cải cách đã đưa Vương quốc Xiêm phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa và từng bước hội nhập với thế giới.
b) Những thành tựu đạt được từ công cuộc cải cách chính là cơ sở, tạo ra thực lực giúp Chính phủ Xiêm triển khai thành công đường lối ngoại giao mềm dẻo.
c) Để không bị rơi vào tình trạng thuộc địa, Vương quốc Xiêm đã thực hiện chính sách "bế quan tỏa cảng", đóng cửa nền kinh tế để ngăn chặn sự xâm nhập của tư bản phương Tây.
d) Từ trường hợp của Vương quốc Xiêm, có thể rút ra bài học lịch sử: việc chủ động cải cách để tăng cường thực lực đất nước, kết hợp với đường lối ngoại giao linh hoạt là nhân tố then chốt giúp bảo vệ độc lập dân tộc trước làn sóng xâm lược của chủ nghĩa thực dân.

BÀI 6: HÀNH TRÌNH ĐI ĐẾN ĐỘC LẬP DÂN TỘC Ở ĐÔNG NAM Á

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Từ năm 1954 đến năm 1975, các nước Đông Nam Á đã lần lượt hoàn thành cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc (riêng Bru-nây được trao trả độc lập vào năm 1984). Từ năm 1945 đến năm 1954, làn sóng đấu tranh dâng cao. Năm 1945, In-đô-nê-xi-a tuyên bố độc lập, Việt Nam và Lào tiến hành cách mạng giành chính quyền và tuyên bố độc lập cùng trong năm đó. Một số nước được trao trả độc lập như Phi-líp-pin (1946) và Miến Điện (1948)."

(Nguồn: *"Sách giáo khoa Lịch sử 11"*, Bộ giáo dục và đào tạo, NXB Giáo dục Việt Nam, tr. 39)

a) Năm 1945, ba quốc gia ở khu vực Đông Nam Á là In-đô-nê-xi-a, Việt Nam và Lào đã tiến hành giành chính quyền hoặc tuyên bố nền độc lập.
b) Quá trình giành độc lập của các quốc gia Đông Nam Á diễn ra đồng loạt cùng một thời điểm và bằng một phương thức duy nhất là đấu tranh vũ trang giành chính quyền.
c) Phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai diễn ra không đồng đều về mặt thời gian và đa dạng về phương thức giành độc lập (đấu tranh hoặc được trao trả).
d) Từ sự kiện Phi-líp-pin (1946) và Miến Điện (1948) "được trao trả độc lập", có thể khẳng định các nước đế quốc phương Tây đã tự nguyện hoàn toàn từ bỏ hệ thống thuộc địa ở Đông Nam Á mà không chịu bất kỳ sức ép nào.
Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Sau khi giành độc lập, nhóm 5 nước cựu thành viên sáng lập ASEAN (In-đô-nê-xi-a, Ma-lay-xi-a, Phi-líp-pin, Xin-ga-po, Thái Lan) đã chuyển đổi chiến lược phát triển kinh tế từ công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu (hướng nội) sang công nghiệp hóa hướng về xuất khẩu (hướng ngoại), mang lại sự tăng trưởng kinh tế kỳ diệu."

(Nguồn: Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, *"Kinh tế ASEAN: Quá trình phát triển và hội nhập"*, NXB Khoa học Xã hội)

a) Chiến lược công nghiệp hóa hướng nội nhằm tự cung tự cấp và giải quyết việc làm

trong nước.
b) Chiến lược công nghiệp hóa hướng ngoại lấy phát triển xuất khẩu và thu hút vốn ngoại làm động lực
c) Nhóm nước ASEAN luôn duy trì đóng cửa kinh tế không giao thương với bên ngoài.
d) Sự thành công kinh tế của nhóm nước ASEAN đã biến khu vực thành một trong những động lực tăng trưởng toàn cầu.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Tại Việt Nam, công cuộc Đổi mới (từ năm 1986) thúc đẩy tốc độ tăng trưởng GDP bình quân 7,6%/năm trong giai đoạn 1991 – 2000. Năm 2020, GDP của Việt Nam đạt 343 tỉ USD, đứng thứ tư ở Đông Nam Á và thuộc 40 nền kinh tế lớn nhất thế giới. Từ cuối năm 1986, Lào cũng bước vào quá trình đổi mới, nền kinh tế có nhiều khởi sắc, đời sống nhân dân được cải thiện. Tốc độ tăng trưởng GDP của Lào giai đoạn 2016 – 2020 đạt khoảng 5,8%. Tại Cam-pu-chia, từ giữa những năm 90 của thế kỉ XX, sau khi tình hình chính trị ổn định, nước này bước vào giai đoạn hồi phục và phát triển kinh tế. Từ năm 1995 đến năm 2021, GDP bình quân đầu người của Cam-pu-chia tăng từ 323 USD lên 1 513 USD."

(Nguồn: (Theo Đỗ Thanh Bình (Tổng Chủ biên), *Sách giáo khoa Lịch sử 11 – Cánh Diều,* Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2022, tr. 40.)

a) Công cuộc Đổi mới ở Việt Nam được thực hiện từ năm 1986, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đất nước..
b) Tốc độ tăng trưởng GDP của Lào giai đoạn 2016 – 2020 đạt khoảng 5,8%, cho thấy nền kinh tế nước này có những chuyển biến tích cực trong quá trình đổi mới..
c) Việc GDP bình quân đầu người của Cam-pu-chia tăng từ 323 USD năm 1995 lên 1 513 USD năm 2021 chứng tỏ quá trình phục hồi và phát triển kinh tế đã góp phần nâng cao mức thu nhập bình quân đầu người của nước này..
d) Từ những thành tựu kinh tế của Việt Nam, Lào và Cam-pu-chia, có thể kết luận rằng cả ba quốc gia đều có tốc độ tăng trưởng GDP bình quân như nhau trong cùng một giai đoạn.

III. TỰ LUẬN

BÀI 2: SỰ XÁC LẬP VÀ PHÁT TRIỂN CHỦ NGHĨA TƯ BẢN

- Tiềm năng và thách thức của chủ nghĩa tư bản hiện đại
- Việt Nam có thể rút ra bài học gì từ sự phát triển của chủ nghĩa tư bản hiện đại.

BÀI 4: SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TỪ SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI ĐẾN NAY.

- Nguyên nhân dẫn tới sự sụp đổ mô hình chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô.
- Có ý thức trân trọng những thành tựu, giá trị của chủ nghĩa xã hội, sẵn sàng tham gia đóng góp vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

BÀI 5: QUÁ TRÌNH XÂM LƯỢC VÀ CAI TRỊ CỦA CHỦ NGHĨA THỰC DÂN Ở ĐNÁ

- Phân tích nội dung và ý nghĩa cải cách ở Vương quốc Xiêm. Giải thích nguyên nhân Xiêm giữ vững độc lập.

BÀI 6: HÀNH TRÌNH ĐI ĐẾN ĐỘC LẬP DÂN TỘC Ở ĐÔNG NAM Á

- Phân tích được ảnh hưởng kéo dài của chế độ thực dân đối với ĐNÁ. Có ý thức trân trọng những thành quả đấu tranh giành độc lập và phát triển của các dân tộc ở Đông Nam Á hiện nay.